

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 06 /2019/HS-ST

Ngày 11-4-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tỉnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kiều Oanh

Bà Huỳnh Thị Sang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Sương - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Phi Long - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 05/2019/TLST-HS ngày 21 tháng 02 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2019/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 3 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Thanh S, sinh năm 1991 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: số xxxC, khu phố x, phường x, thành phố B, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: thợ sửa điện thoại; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn T (chết) và bà Lê Thị Thúy N, sinh năm 1974; vợ: Nguyễn Thị Thúy A, sinh năm 1992, có 02 con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2017; tiền án: 01 tiền án. Ngày 27/3/2015 bị Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xử phạt 06 tháng tù tính từ ngày 10/10/2014 về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 42/2015/HSPT; Hiện bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam Châu Bình theo quyết định thi hành án đối với Bản án số 06/2018/HSST ngày 01/02/2018 của Tòa án nhân dân thành phố B về tội “Trộm cắp tài sản” với mức phạt 01 năm 06 tháng tù tính từ ngày 08/11/2017 (về hành vi phạm tội vào ngày 29/01/2017); tiền sự: không; bị cáo đang bị tạm giam (có mặt);

- **Bị hại:** Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên H Việt Nam (gọi tắt là Công ty H); trụ sở: Tầng G, 8 và 10 Tòa nhà Phụ nữ, số x N, phường T, Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh có 100% vốn nước ngoài;

- **Đại diện theo pháp luật của bị hại:** Ông D (Quốc tịch Nga);

- **Đại diện theo ủy quyền của bị hại:** Ông Lê Phước T, sinh năm 1980, nơi cư trú: Số 80/2, Khu phố x, phường T, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

- *Người làm chứng*: Nguyễn Thị Hồng Đ, sinh năm 1991; nơi cư trú: số xxx D5, khu phố x, phường x, thành phố B, tỉnh Bến Tre, vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên H Việt Nam (gọi tắt là Công ty H), có trụ sở tại Tầng G, 8 và 10 Tòa nhà Phụ nữ, số 20 N, phường T, Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh có 100% vốn nước ngoài, do ông D (Quốc tịch Nga) đại diện theo pháp luật; ông Lê Phước T, sinh năm 1980, nơi cư trú: Số 80/2, khu phố x, phường T, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh đại diện theo ủy quyền. Công ty H có ký thỏa thuận hợp tác kinh doanh với Cửa hàng Thế giới di động, địa chỉ: số 112B Đại lộ Đ, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre cung cấp dịch vụ cho vay trả góp mua hàng hóa. Khi khách hàng đến cửa hàng mua sản phẩm nhưng không muốn thanh toán tiền một lần thì Công ty H hỗ trợ khách hàng bằng cách ký hợp đồng tín dụng với khách hàng để cho vay tiền, khách hàng sẽ thanh toán trả góp hàng tháng theo thỏa thuận.

Ngày 30/8/2018 đại diện theo pháp luật của Công ty H làm đơn tố cáo Nguyễn Thanh S có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của công ty thông qua hợp đồng tín dụng trả góp số xxxxxxxxxx ngày 17/01/2016.

Quá trình điều tra xác định vào ngày **17 tháng 01 năm 2016**, Nguyễn Thanh S sử dụng giấy chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe mang tên Võ Hoàng Duy Th, sinh ngày 19/10/1991, đăng ký thường trú: số nhà x, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre (S khai đã nhặt được trước gần khu vực vòng xoay Phường x, thành phố B) để ký hợp đồng tín dụng tiêu dùng trả góp số xxxxxxxxxx với Công ty H Việt Nam để mua điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A5 tại Cửa hàng Thế giới di động, địa chỉ: số 112B Đại lộ Đ, phường P, thành phố B. Ngoài số tiền S đã trả trước là 2.697.000 đồng, số tiền còn lại là 6.293.000 đồng và phí bảo hiểm tai nạn tín dụng tiêu dùng là 203.000 đồng S vay của Công ty H do Nguyễn Thị Hồng Đ, là nhân viên của Công ty H làm thủ tục ký hợp đồng và có trách nhiệm chuyển khoản thanh toán cho Cửa hàng Thế giới di động và Công ty cổ phần B. Như vậy, tổng số tiền vay của Công ty H là 6.496.000 đồng, Nguyễn Thanh S có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty H trong thời hạn sáu tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Khi ký hợp đồng và các giấy tờ có liên quan, S đã ký chữ “Th” và ghi họ tên “Võ Hoàng Duy Th” cho phù hợp với thông tin trên chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe. Sau khi xem xét và đối chiếu thông tin, Nguyễn Thị Hồng Đ đã nhập thông tin và chụp ảnh thực tế của khách hàng nhập vào hệ thống của công ty. Sau khi hoàn thành các thủ tục, S nhận điện thoại từ cửa hàng thế giới di động và sử dụng được thời gian ngắn rồi mang đi cầm cố để lấy tiền tiêu xài cá nhân mà không thực hiện nghĩa vụ cho Công ty H theo hợp đồng đã ký.

Kết luận giám định số 184/2018/GĐTL ngày 17/10/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bến Tre kết luận: Chữ ký “Th”, chữ viết “Võ Hoàng Duy Th” trong toàn bộ hợp đồng tín dụng tiêu dùng trả góp số xxxxxxxxxx ngày 17 tháng 01 năm 2016 giữa khách hàng với Công ty H là do Nguyễn Thanh S ký và viết ra.

* Vật chứng, đồ vật, tài liệu thu giữ, tạm giữ gồm:

- 01 (một) bộ Hợp đồng tín dụng tiêu dùng trả góp do Công ty H cung cấp gồm: hợp đồng số xxxxxxxxxx ngày 17/01/2016 được ký kết tại cửa hàng thế giới di động thuộc phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre do đại diện ủy quyền là ông Lê Phước T giao nộp ngày 10/5/2018 cho cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Bến Tre đều là bản chính không có yêu cầu nhận lại, đề nghị tiếp tục lưu giữ để lưu vào hồ sơ theo quy định.

Quá trình điều tra Nguyễn Thanh S khai nhận phù hợp với các chứng cứ, tài liệu đã được thu thập, đồng thời tác động gia đình nộp 1.000.000 đồng để khắc phục một phần thiệt hại.

Tại Bản cáo trạng số 02/CT-VKS-P3 ngày 20/02/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre truy tố bị cáo Nguyễn Thanh S về “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Nguyễn Thanh S khai nhận hành vi phù hợp nội dung bản cáo trạng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre giữ quyền công tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh S phạm “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 139; điểm b, g, p khoản 1 khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh S từ 06 đến 09 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự buộc bị cáo bồi thường tiếp cho bị hại 5.496.000 đồng. Đề nghị tổng hợp hình phạt của nhiều bản án đối với bị cáo theo Điều 51 Bộ luật hình sự năm 1999.

Bị cáo, đại diện bị hại không tranh luận.

Lời nói sau cùng bị cáo yêu cầu xem xét áp dụng hình phạt nhẹ để sớm đoàn tụ gia đình đi làm bồi thường thiệt hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Bến Tre, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa; bị cáo, người đại diện theo ủy quyền của bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ

quan tiền hành tố tụng, người tiền hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiền hành tố tụng, người tiền hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Qua lời khai nhận của bị cáo, kết hợp các chứng cứ đã được thu thập có cơ sở xác định. Nguyễn Thanh S sau khi nhận được giấy chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe mang tên Võ Hoàng Duy Th, vào ngày 17/01/2016 S sử dụng giấy chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe mang tên Võ Hoàng Duy Th đến ký hợp đồng tín dụng tiêu dùng trả góp số xxxxxxxxxx với Công ty H Việt Nam để mua điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A5 tại Cửa hàng Thế giới di động, địa chỉ: số xxxB Đại lộ Đ, phường P, thành phố B. S phải đã trả trước là 2.697.000 đồng, số tiền còn lại là 6.293.000 đồng và phí bảo hiểm tai nạn tín dụng tiêu dùng là 203.000 đồng. Tổng số tiền vay của Công ty H là 6.496.000 đồng, Nguyễn Thanh S có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty H trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Khi ký hợp đồng và các giấy tờ có liên quan, S đều ký chữ “Th” và ghi họ tên “Võ Hoàng Duy Th” cho phù hợp với thông tin trên chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe. Sau khi hoàn thành các thủ tục, S nhận điện thoại từ cửa hàng thế giới di động và sử dụng một thời gian rồi mang đi cầm cố để lấy tiền tiêu xài mà không thực hiện nghĩa vụ cho Công ty H theo hợp đồng đã ký. Ý thức của bị cáo sử dụng giấy chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe mang tên người khác đưa vào các tài liệu giao dịch để không phải trả góp hàng tháng vì không biết bị cáo là ai và ở đâu để chiếm đoạt chiếc điện thoại trị giá còn lại theo hợp đồng là 6.496.000 đồng.

[3] Với ý thức, hành vi và giá trị tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo Nguyễn Thanh S về “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 là có cơ sở phù hợp luật định.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã thực hiện hành vi gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác, xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của người khác trái pháp luật. Hành vi của bị cáo cần áp dụng hình phạt tù nhằm cải tạo giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung. Tuy nhiên khi áp dụng hình phạt cần xem xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo: Sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện ăn năn hối cải nên đã tác động gia đình bồi thường một phần thiệt hại cho Công ty H, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; có con còn nhỏ, là lao động chính trong gia đình, đại diện Công ty H yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo phạm vào tình tiết tăng nặng là tái phạm;

[5] Phân trách nhiệm dân sự: Công ty H yêu cầu bồi thường 6.496.000 đồng đã nhận bồi thường 1.000.000 đồng, bị cáo còn phải bồi thường tiếp là 5.496.000 đồng. Bị cáo đồng ý bồi thường.

[6] Về việc chấp hành hình phạt tù của bị cáo, do bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam Châu Bình theo Quyết định thi hành án đối với Bản án số 06/2018/HSST ngày 01/02/2018 của Tòa án nhân dân thành phố B với mức phạt 01 năm 06 tháng tù

tính từ ngày 08/11/2017 đến ngày 08/5/2019 thì hết thời gian chấp hành án, do vậy không phải tổng hợp bản án. Bị cáo đang bị tạm giam theo các lệnh tạm giam trong vụ án này nên thời hạn tù đối với hành vi phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản lần này được tính từ ngày tiếp theo sau ngày 08/5/2019.

Bị cáo phải chịu án phí theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

[1] Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh S phạm “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Áp dụng: khoản 1 Điều 139; điểm b, g, p khoản 1 khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thanh S** 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09/5/2019;

[2] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999.

Buộc Nguyễn Thanh S bồi thường tiếp cho Công ty H 5.496.000 (Năm triệu bốn trăm chín mươi sáu ngàn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, khoản tiền bồi thường nêu trên hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về án phí: Áp dụng Điều 22 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bị cáo Nguyễn Thanh S phải nộp 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 274.800 (Hai trăm bảy mươi bốn ngàn tám trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

[5] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- VKS nhân dân cấp cao tại TP.HCM (1b);
- VKS nhân dân tỉnh Bến Tre (1b);
- Vụ GDKT I – Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ - CA tỉnh Bến Tre (1b);
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Bến Tre (1b);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre (1b);
- Trại tạm giam CA tỉnh Bến Tre (2b) để giao cho bị cáo 1 bản
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND phường x, thành phố B (1b);
- Bị hại (1b);
- Tòa Hình sự, Phòng KTNV&THA, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (6b).
- Lưu Hồ sơ vụ án (1b).

Phạm Văn Tỉnh